

Số: 332/2022/QĐST-HNGĐ

Hà Nội, ngày 26 tháng 10 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 313/2022/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn” giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị Minh H, sinh năm: 1989

* **Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn T, sinh năm: 1984

Cùng ĐKKHKT và ở tại: Số B, Tổ L, phường G, Long Biên, Hà Nội.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 211, Điều 212, Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 51, Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ vào nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 18 tháng 10 năm 2022;

XÉT THẤY

Chị Nguyễn Thị Minh H và anh Nguyễn Văn T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 14/02/2011 (Giấy chứng nhận kết hôn số 14/2011, quyền số 01/2011) tại Ủy ban nhân dân phường Giang Biên, quận Long Biên, Hà Nội. Đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống không hạnh phúc nên anh chị thống nhất thuận tình ly hôn.

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của anh chị được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 18/10/2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Thị Minh H và anh Nguyễn Văn T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về con chung:** Anh chị có hai con chung là cháu Nguyễn Minh D, sinh ngày 12/06/2012 và cháu Nguyễn Ngọc Trâm A, sinh ngày 21/05/2020. Sau ly hôn, anh chị thống nhất thỏa thuận để chị Nguyễn Thị Minh H là người trực

tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung là cháu Nguyễn Minh Dương và cháu Nguyễn Ngọc Trâm A. Anh Nguyễn Văn T đóng góp tiền nuôi con là 3.000.000 đồng/tháng (Ba triệu/tháng) cho cả hai con (mỗi con 1.500.000 đồng/tháng) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác.

Anh Nguyễn Văn T có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

- **Về tài sản chung là các đồ dùng sinh hoạt trong gia đình:** Anh chị đã giải quyết xong, không yêu cầu Tòa án giải quyết, không có tranh chấp khiếu kiện gì nên Tòa không xét.

- **Về tài sản chung:**

+ Động sản: Anh chị khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, không có tranh chấp khiếu kiện gì nên Tòa không xét.

+ Bất động sản: Anh chị khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, không có tranh chấp khiếu kiện gì nên Tòa không xét.

- **Về công nợ chung:** Anh chị không nợ ai, không ai nợ anh chị, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xét.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Minh H tự nguyện chịu toàn bộ số tiền án phí ly hôn sơ thẩm 150.000 đồng và 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo giấy thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ngày 11/10/2022 theo mã thông báo: DFFIYXWNHV – đơn vị nhận tiền: Chi cục thi hành án dân sự quận Long Biên; Mã tài khoản: 3949.0.1048583 tại Kho bạc Nhà nước quận Long Biên, thành phố Hà Nội và theo biên lai số 0065398 ngày 13/10/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Long Biên, Hà Nội.

4. Hiệu lực của quyết định: Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSDN quận Long Biên;
- UBND phường Cự Khối, quận Long Biên, Hà Nội;
- Lưu hồ sơ.

Thẩm phán

Nguyễn Thị Hồng Hạnh